

CÔNG TY CỔ PHẦN MONEY COFFEE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MONEY COFFEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MONEY COFFEE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MONEY COFFEE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107860329

3. Ngày thành lập: 25/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32, ngõ 4, phố Đặng Văn Ngữ, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng sắt	0710
2.	Sản xuất than cốc	1910
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
14.	Bán mô tô, xe máy	4541
15.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
16.	Quảng cáo	7310
17.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730

18.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
19.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
20.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ; - Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang...	4513
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
28.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
29.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31.	Khai thác và thu gom than non	0520
32.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
34.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
35.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
39.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp và các loại hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	4669
43.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722

44.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ theo khế ước hoặc hợp đồng, theo yêu cầu để phục vụ cho hoạt động khai thác được phân vào ngành 05, 07 và 08 ; - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò ; - Dịch vụ bơm và tháo nước theo khế ước hoặc hợp đồng ; - Hoạt động khoan thử và đào thử.	0990
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610(Chính)
53.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
54.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	6619
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
61.	Khai thác dầu thô	0610
62.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
68.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
69.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
70.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH THỊ HỒNG THẨM	Tổ 35, Khu 3, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	225.000.000	5,000	101159487	
			Tổng số	22.500	225.000.000	5,000		
2	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Thôn Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500	225.000.000	5,000	013062550	
			Tổng số	22.500	225.000.000	5,000		
3	TRỊNH THỊ BÍCH NGÀ	P601 CT6, tổ 65, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	90,000	013167282	
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH THỊ BÍCH NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013167282

Ngày cấp: 01/04/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P601 CT6, tổ 65, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P601 CT6, tổ 65, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội